

Số: 9966 /UBND-TH

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 8 năm 2026

V/v tiếp thu, giải trình thẩm tra
của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND
tỉnh về dự thảo Nghị quyết về điều
chỉnh, bổ sung chỉ tiêu
kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa giai
đoạn 2026-2030 và năm 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Báo cáo số 113/BC-BKTNS ngày 06/8/2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh về thẩm tra dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030 và năm 2026, đảm bảo không điều chỉnh giảm các chỉ tiêu đã được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026, trong đó đã điều chỉnh lại chỉ tiêu Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu giai đoạn 2026-2030 đạt 13,2 - 14,8%.

Đối với chỉ tiêu số bác sĩ/vạn dân đã được giao mục tiêu đến năm 2030 đạt 14 bác sĩ theo Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ và Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất xác định đây là mức tối thiểu phải đạt. Thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tăng cường tổ chức triển khai đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển nguồn nhân lực y tế theo Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 03/10/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chiến lược phát triển bền vững giáo dục và đào tạo tỉnh Khánh Hòa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045 và Đề án số 05-ĐA/TU ngày 02/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh cho Nhân dân tỉnh Khánh Hòa trong tình hình mới, nhằm phấn đấu đến năm 2030 đạt mức tiệm cận với chỉ tiêu chung của cả nước là 19 bác sĩ/vạn dân.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình./.

(Gửi kèm dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TT, MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hòa Nam

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa
giai đoạn 2026-2030 và năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VIII - KỲ HỌP ...**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng của các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2026 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030 và năm 2026 để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW, ngày 02/4/2026 của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16, ngày 24/4/2026 của Quốc hội và Nghị quyết số 109/NQ-CP, ngày 16/4/2026 của Chính phủ theo Phụ lục gửi kèm.

Điều 2. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Thống nhất tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động; đổi mới quản trị thực thi để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số”

Nâng cao nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và yêu cầu chiến lược, cấp bách thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” gắn với nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, phải cụ thể hoá trong các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, có nhiệm vụ, kết quả, sản phẩm cụ thể cho từng ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với trách nhiệm người đứng đầu; kiểm tra, giám sát, đánh giá dựa trên tiêu chí kết quả thực hiện. Tăng cường tuyên truyền, vận động, hành động nêu gương để củng cố niềm tin, khát vọng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội.

2. Tập trung hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ, hiện đại, cạnh tranh để tạo đột phá tăng trưởng

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế, quy định phù hợp để xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong các ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền địa phương, đặc biệt là giáo dục, y tế, văn hóa và khoa học công nghệ; làm cơ sở để thực hiện đặt hàng cho các đơn vị trong và ngoài nhà nước tham gia cung ứng dịch vụ công; tăng cường kiểm tra, giám sát. Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, thực hiện nghiêm tiêu chí đánh giá văn bản pháp luật theo quy định của Trung ương, bảo đảm chuyển tư duy đánh giá hiệu quả pháp luật từ “tốt trong văn bản” sang “tốt trong cuộc sống”. Tiếp tục có giải pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước.

- Chủ động rà soát, kiến nghị Trung ương tháo gỡ căn bản các rào cản, điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách; thông qua cơ chế, chính sách đặc thù phát triển khu kinh tế Vân Phong và phát triển tỉnh; hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển nền kinh tế số, đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, thương mại, khoáng sản, xây dựng... góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh để phát triển các lĩnh vực kinh tế ưu tiên như kinh tế biển, chuyển đổi số, công nghiệp, năng lượng, du lịch,... Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; chuẩn hoá, số hoá toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục trên môi trường số, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Khánh Hòa thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số năng lực cạnh tranh.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác tổ chức thực hiện, chú trọng giám sát và xử lý sau thanh tra, đẩy mạnh hơn nữa phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kiên quyết, kịp thời thay thế cán bộ yếu kém, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ; khen thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ dám

ngiht, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức gắn với cơ cấu lại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa Trung ương - địa phương - doanh nghiệp - người dân; triển khai hiệu quả các chính sách đột phá, bảo vệ người dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

3. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; phát triển các khu vực doanh nghiệp, các mô hình kinh tế mới

- Chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới lấy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống từ đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu và phát triển mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực, mô hình kinh tế mới.

Xây dựng và hiện đại hoá nền công nghiệp vững mạnh; tập trung nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh một số ngành công nghiệp nền tảng như năng lượng, cơ khí chế tạo, đóng tàu, vật liệu mới, công nghệ số, điện tử, bán dẫn, công nghiệp phụ trợ gắn với tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Phát triển Khánh Hòa trở thành trung tâm năng lượng của cả nước và khu vực, trong đó tập trung phát triển điện gió ven biển và ngoài khơi, điện mặt trời, điện khí LNG, năng lượng hydrogen xanh, điện hạt nhân, thủy điện tích năng theo quy hoạch được duyệt gắn với chiến lược giảm phát thải carbon.

Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, giá trị gia tăng cao; tổ chức sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị gắn với thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển nuôi biển công nghệ cao, xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản đảm bảo an toàn sinh học, bảo vệ môi trường.

Phát triển ngành dịch vụ theo hướng đa dạng, có hàm lượng trí thức và công nghệ cao; ưu tiên phát triển các dịch vụ phục vụ cho vận tải biển, e-logistics, thương mại điện tử, tài chính - ngân hàng. Từng bước nghiên cứu, chuẩn bị và hoàn thiện các điều kiện cần thiết để phát triển Tổ hợp công nghiệp năng lượng Nam Vân Phong, gắn với hạ tầng cảng lỏng/khí, kho LNG, LPG, kho xăng dầu, sản xuất hydro xanh và pin nhiên liệu mới; hướng tới hình thành trung tâm dự trữ năng lượng - khoáng sản chiến lược, khi được cấp có thẩm quyền cho phép. Chủ động rà soát, đề xuất Trung ương xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển các mô hình kinh tế mới (kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ). Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên biển.

- Tạo đột phá phát triển các thành phần kinh tế gắn với triển khai hiệu quả các nghị quyết của Bộ Chính trị. Đổi mới kinh tế nhà nước, trọng tâm là quản trị doanh nghiệp nhà nước theo các chuẩn mực quốc tế, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước; tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, không làm thất thoát,

lãng phí. Đến năm 2030, 100% doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh thực hiện quản trị doanh nghiệp hiện đại trên nền tảng số; có 01 doanh nghiệp nhà nước trong nhóm 170 doanh nghiệp lớn nhất nước; có 01 doanh nghiệp nhà nước mạnh, có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, có năng lực cạnh tranh trong khu vực Đông Nam Á. Phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ; phấn đấu đến năm 2030 có 35.000 doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh, trong đó có ít nhất 01 doanh nghiệp lớn tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân đạt khoảng 12 - 14%/năm; đóng góp khoảng 60 - 65% GRDP của tỉnh, trên 65% tổng thu ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm cho khoảng 85 - 87% tổng số lao động; năng suất lao động tăng bình quân khoảng 12 - 14%/năm. Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài; chú trọng thúc đẩy chuyển giao công nghệ, kết nối giữa khu vực FDI với khu vực trong nước; đầu tư hiệu quả ra nước ngoài.

- Phát triển thị trường trong nước trở thành điểm tựa quan trọng cho tăng trưởng; chuyển dịch mạnh mẽ sang các loại hình phân phối hiện đại. Tổ chức các chương trình kích cầu tiêu dùng quy mô lớn, thực chất, hiệu quả. Phát triển hạ tầng du lịch, sản phẩm du lịch chất lượng cao, du lịch số; kết hợp thúc đẩy du lịch quốc tế với các dịch vụ về chăm sóc sức khoẻ, mua sắm hàng hoá. Phấn đấu đến năm 2030, Khánh Hòa thuộc nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về phát triển du lịch, từng bước củng cố vị thế là điểm đến tiêu biểu của khu vực Đông Nam Á; doanh thu du lịch đóng góp 20% GRDP; khách du lịch đạt 33 triệu lượt. Mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, chuỗi cung ứng, tận dụng có hiệu quả các FTA mà Việt Nam đã ký kết, phát triển các thị trường mới; ưu tiên xuất khẩu các nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG); tham gia sâu vào chuỗi cung ứng chiến lược của các nước.

4. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

- Tập trung hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả các quy hoạch sau sáp nhập. Ưu tiên thúc đẩy 3 cực tăng trưởng, trong đó Khu vực vịnh Vân Phong là động lực công nghiệp, logistics biển quy mô lớn; Vùng đô thị Nha Trang và Khu vực Cam Lâm - Cam Ranh giữ vai trò chủ đạo về hành chính, dịch vụ, tri thức và điều phối các dòng nguồn lực; Vùng đô thị Phan Rang và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là không gian phát triển du lịch, văn hóa và năng lượng sạch, công nghiệp xanh và đổi mới sáng tạo.

- Quản lý, điều hành ngân sách nhà nước hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, tăng tính bền vững của nền tài chính. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước. Thực hiện mức bội chi ngân sách nhà nước hằng năm bảo đảm trong phạm vi mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030 và theo nhu cầu, tiến độ giải ngân các nhiệm vụ đầu tư phát triển; thực hiện đánh giá hằng năm và giữa kỳ, kịp thời kiến nghị điều chỉnh mục tiêu khi có biến động lớn, bảo đảm khả thi và đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Thực hiện giải pháp dự phòng để bảo đảm an toàn tài chính trong phạm vi cân đối ngân sách nhà nước. Tiếp tục thực hiện

các giải pháp cải cách hành chính về thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế, quản lý hóa đơn.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 đảm bảo nguyên tắc tập trung, không dàn trải, giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025, ưu tiên bố trí cho các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thực hiện phân bổ vốn cho các dự án đầu tư công theo kết quả đầu ra, gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư công theo quy định của Trung ương. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa đầu tư công với đầu tư xã hội. Hợp tác, vay vốn nước ngoài, vốn trái phiếu, vốn của Nhân dân, doanh nghiệp, kết hợp với ngân sách nhà nước để triển khai các dự án lớn.

- Quyết liệt tăng tốc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, tiêu chí quan trọng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân, trong đó có người đứng đầu. Tập trung tháo gỡ vướng mắc liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nguồn cung vật liệu xây dựng,... hiệu quả, phù hợp; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả đầu tư, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản công; xử lý triệt để tài sản công là nhà, đất dôi dư. Trong điều kiện ngân sách còn khó khăn, tận dụng tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có; hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính mới.

- Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù thành lập khu thương mại tự do, phát triển khu kinh tế Vân Phong sau khi được Trung ương thông qua nhằm thu hút các dòng vốn đầu tư. Tận dụng dư địa về bội chi ngân sách để huy động thêm nguồn lực (trong đó có nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi nhà tài trợ nước ngoài) cho đầu tư các công trình hạ tầng trọng điểm, tăng cường hợp tác công tư (PPP), huy động và sử dụng hiệu quả Quỹ hỗ trợ phát triển nghề cá Khánh Hòa,...

- Tăng cường giám sát tình hình hoạt động các tổ chức tín dụng; phát hiện, cảnh báo kịp thời những rủi ro tiềm ẩn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong hoạt động của các tổ chức tín dụng. Phát triển lành mạnh và đa dạng hoá các nguồn vốn, tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp trong nước, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, kinh tế tập thể.

5. Tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương nhằm tháo gỡ dứt điểm các nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trọng tâm là cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, đầu tư, cơ chế cho các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ; thành lập các Quỹ đầu tư mạo hiểm, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện và khai

thác hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, cơ sở dữ liệu lớn; phấn đấu đến năm 2030 Khánh Hòa thuộc nhóm 10 tỉnh/thành phố dẫn đầu cả nước về chỉ số đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tăng cường hợp tác công tư trong thu hút, đào tạo, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao. Ban hành các chính sách đột phá về thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên tiếp thu, chuyển giao, ứng dụng sáng tạo, từng bước làm chủ các công nghệ nền tảng, công nghệ tiên tiến, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số. Quản lý, thúc đẩy phát triển tài sản số. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế. Thành lập, đưa vào hoạt động hiệu quả Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương; Trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh; Công viên đổi mới sáng tạo tỉnh.

6. Xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam

- Xây dựng và phát triển văn hóa Khánh Hòa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng; làm nổi bật đặc trưng văn hóa biển, đảo, văn hóa đô thị du lịch và giá trị truyền thống của các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Phát huy bảo tồn di sản văn hóa Chăm, trong đó có nghệ thuật làm gốm của người Chăm được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể. Phát triển mạnh công nghiệp văn hoá, giải trí, dịch vụ văn hoá, phát triển và quản lý có hiệu quả thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hoá số; gắn kết văn hoá với du lịch, thương mại và công nghệ, hình thành chuỗi giá trị. Phấn đấu đến năm 2030, ngành công nghiệp văn hóa đóng góp 4 - 5% GRDP; hình thành 3 đến 5 sản phẩm, thương hiệu văn hóa đặc trưng có sức lan tỏa trong nước và hướng đến quốc tế; từng bước xây dựng Khánh Hòa trở thành trung tâm thể thao biển, lễ hội văn hóa biển có tầm quốc gia và quốc tế. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá.

- Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá gắn với xây dựng các công trình văn hoá, thể thao ngang tầm khu vực và quốc tế. Đến năm 2030, 100% cấp xã có thiết chế văn hóa, nhà văn hóa, trung tâm thể thao hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng; trên 90% thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở hoạt động hiệu quả; xây dựng hoàn thành các công trình Bảo tàng tổng hợp tỉnh, Khu liên hợp thể dục, thể thao tỉnh, phát triển Nhà hát biểu diễn nghệ thuật gắn với Trung tâm trung bày, triển lãm biểu tượng đặc trưng du lịch biển của tỉnh Khánh Hòa... Đẩy mạnh bảo tồn, phát huy di sản gắn với phát triển du lịch bền vững. Có chính sách nâng cao đời sống văn hoá, thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền, giữa các tầng lớp Nhân dân; chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

7. Hiện đại hoá nền giáo dục quốc dân, nâng cao chất lượng đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài

Đổi mới và hoàn thiện đồng bộ các quy định, cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, ưu đãi đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ và phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia; phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Cũng cố và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học đạt chuẩn khu vực và quốc tế; đầu tư nâng cấp Trường đại học Nha Trang thành Đại học vùng; thu hút một số trường Đại học lớn, có uy tín trong nước mở cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Đến năm 2030 có 100% cơ sở giáo dục đại học và trên 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%. Đặt hàng các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp công nghệ tham gia đào tạo nghề. Tăng cường việc dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về văn hoá, nghệ thuật và tăng cường hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể chất cho học sinh; đưa giáo dục kỹ năng sống, trí tuệ nhân tạo vào hệ thống giáo dục quốc dân ngay từ chương trình giáo dục mầm non. Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo.

8. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá và phát triển đô thị, liên kết vùng

- Tập trung đầu tư, xây dựng các tuyến đường giao thông trọng điểm quốc gia và của tỉnh. Đầu tư hoàn thành tuyến đường Cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; các tuyến đường ven biển, liên vùng; thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để triển khai dự án đường sắt cao tốc Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh. Phát triển hệ thống cảng biển Khánh Hòa, Khu bến Cà Ná và Ninh Chữ thành cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực loại I; phát triển Vân Phong thành cảng trung chuyển quốc tế, có bến cảng tổng hợp, container, bến cảng khách quốc tế; chuyển đổi công năng Cảng Nha Trang thành bến khách đầu mối du lịch theo tiêu chuẩn quốc tế. Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương đẩy nhanh tiến độ đầu tư mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, đầu tư Cảng hàng không Vân Phong, đầu tư sân bay Thành Sơn thành Cảng hàng không lưỡng dụng.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư hạ tầng các KCN Dốc Đá Trắng, các KCN tại Ninh Xuân, Ninh Diêm,... Phát triển hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an ninh năng lượng; đầu tư hệ thống hạ tầng truyền tải, kết nối lưới điện quốc gia với hệ thống trạm 500KV, 220KV; đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị hạ tầng để trung ương triển khai thực hiện dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và 2, phân đấu hoàn thành và đưa vào vận hành theo đúng kế hoạch của Trung ương. Phát triển hạ tầng thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước, hạ tầng phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu: Sửa chữa, nâng cấp Hồ Đá Bàn; Hồ chứa nước Sông Búng; Hồ chứa nước Sông Cạn; Hệ thống kênh tưới sông Than; Kênh chuyển nước Tân Giang - Sông Biêu; Hệ thống thoát lũ phía Tây khu vực Nha Trang.

- Tập trung tạo đột phá trong phát triển hạ tầng số; xác định đây là hạ tầng thiết yếu, giữ vai trò nền tảng quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế số. Ưu tiên đầu tư phát triển Khánh Hòa trở thành Trung tâm Tính toán xanh và AI khu vực phía Nam; hình thành hành lang điện toán xanh tại khu vực Nha Trang - Cam Lâm và xây dựng hệ thống Trung tâm Dữ liệu đa mục tiêu cấp quốc gia, cấp vùng đạt tiêu chuẩn xanh. Sẵn sàng các điều kiện thử nghiệm mạng 6G theo lộ trình. Phát triển các nền tảng số, tiện ích kỹ thuật số thiết yếu đáp ứng được yêu cầu Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hoá, xã hội; đầu tư xây dựng một số công trình văn hoá trọng điểm.

- Đầu tư phát triển khu kinh tế Vân Phong trở thành động lực phát triển của tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ; Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế; tiến tới mở rộng trung tâm hành chính Nha Trang - Cam Lâm nhằm mở rộng không gian phát triển kinh tế xã hội; thành lập khu kinh tế ven biển phía Nam của tỉnh khi đủ điều kiện theo quy định. Đẩy mạnh liên kết vùng, nội vùng, mở rộng và tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới. Triển khai hiệu quả Quy hoạch vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tích cực phối hợp với các cơ quan Trung ương trong việc xây dựng hoàn thiện thể chế liên kết vùng, các cơ chế, chính sách đặc thù vùng. Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá; hoàn thành các dự án đầu tư khu đô thị quy mô lớn như: Khu đô thị mới Cam Lâm; Khu đô thị Ven Vịnh Cam Ranh; Khu đô thị hỗn hợp thành phố Nha Trang; Khu đô thị mới Đầm Môn; Khu đô thị mới Tu Bông;... Phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn thành phố trực thuộc Trung ương, gắn với yêu cầu phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Khai thác hiệu quả không gian tầm thấp, không gian ngầm.

9. Quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân

- Hoàn thiện các quy định, chính sách quản lý phát triển xã hội hiện đại, bao trùm, bền vững; nâng cao chất lượng dân số. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, thích ứng linh hoạt, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu. Mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội; đến năm 2030, tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 60%. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại và hội nhập. Chú trọng tạo việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ người lao động trong khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động. Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ; đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội đồng bộ trong các khu kinh tế, khu công nghiệp (nhà ở, trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa...) để đảm bảo an sinh cho người lao động.

- Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả; tập trung công tác phòng bệnh, khám, chữa bệnh, kiểm soát tốt dịch bệnh. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển. Phấn đấu từ năm 2026, người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng

lộc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần, được lập sổ sức khỏe điện tử. Đến năm 2030, người dân được miễn viện phí ở mức cơ bản trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế theo lộ trình; đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân. Tổ chức lại, nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng; hình thành, phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu hiện đại; xây dựng Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa trở thành Bệnh viện của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ.

- Bảo đảm mức sống của gia đình người có công; chăm sóc, bảo vệ người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em. Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo; ngăn chặn kịp thời các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để trục lợi gây bức xúc trong xã hội, chia rẽ Nhân dân, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết tôn giáo

10. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản quan trọng, nhất là tài nguyên biển. Phát triển và vận hành hiệu quả các thị trường bất động sản, quyền sử dụng đất, khoáng sản, năng lượng; đảm bảo thực hiện nghiêm các Quy hoạch quốc gia được phê duyệt. Phát triển kinh tế rừng bền vững, nâng cao giá trị lâm sản gắn với khoa học, công nghệ, phục hồi tài nguyên rừng và sinh kế người dân; đảm bảo tuân thủ nghiêm Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia. Phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường, thúc đẩy xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường. Chủ động ứng phó với thiên tai; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, ngăn chặn ô nhiễm môi trường, giảm thiểu chất thải nhựa, ô nhiễm chất thải nhựa; xử lý ô nhiễm môi trường tại các làng nghề. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong xử lý rác thải.

- Bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển, góp phần tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia¹. Thực hiện tốt quy hoạch không gian biển quốc gia, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về biển, đảo. Tiếp tục bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Phước Bình, Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa, Khu dự trữ thiên nhiên Đầm Nai..., gắn với phát triển du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học và tham quan, trải nghiệm phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.

11. củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá

- Bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an ninh chế độ, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh dữ liệu, an ninh mạng, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực...; ngăn ngừa, đẩy lùi từ sớm các nhân tố gây

¹ Khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang, Khu bảo tồn biển Núi Chúa; Khu bảo tồn biển Nam Yết; Khu bảo tồn biển Thuyền Chài; Khu bảo tồn biển Sông Tử; Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại: vịnh Vân Phong, vùng biển Cam Lâm – Cam Ranh, Vịnh Phan Rang

mất ổn định chính trị từ bên trong; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững và củng cố môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng, phát triển. Xây dựng đặc khu Trường Sa trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước, là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

- Triển khai hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả. Tăng cường hoạt động ngoại giao kinh tế; tận dụng hiệu quả các thỏa thuận, hợp tác quốc tế, nhất là các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới; đẩy mạnh kết nối, tranh thủ sự hỗ trợ kết nối kêu gọi đầu tư qua các kênh ngoại giao, tham tán Việt Nam tại các nước, các tổ chức tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư nước ngoài. Thúc đẩy hình thành và triển khai hiệu quả các khuôn khổ hợp tác, liên kết song phương và đa phương trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ mới; thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp. Nâng cao hiệu quả của ngoại giao văn hoá; chú trọng các hoạt động quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam nói chung và tỉnh Khánh Hòa nói riêng.

Điều 3. Giữ nguyên các nội dung khác của Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 và Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp ... thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban thường vụ Tỉnh uỷ;
- Đoàn ĐBQH; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBND TQVN tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI
GIAI ĐOẠN 2026 – 2030 VÀ NĂM 2026 TỈNH KHÁNH HÒA***(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /6/2026 của HĐND tỉnh
Khánh Hòa)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030	Mục tiêu năm 2026
I	VỀ KINH TẾ			
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm	%	11-12	10,2
1.1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,17	2,3
1.2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%	15,4	14,2
	- Công nghiệp	%	10,8	10,0
	<i>Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%	<i>10,8</i>	<i>11,0</i>
	- Xây dựng	%	22,7	24,39
1.3	Khu vực dịch vụ	%	10,3	9,36
	<i>Trong đó:</i>			
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô	%	8,2	7,66
	- Vận tải, kho bãi	%	12,4	11,2
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	11,9	8,81
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	10,8	9,29
	- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ	%	9,3	8,2
1.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	8,6	7,31
2	GRDP bình quân đầu người đến năm 2030	USD	8.500- 8.600	4.800- 5.000
3	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	15-16	11,5
4	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đến năm 2030	%	10-12	10,5
5	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD	800-1.000	510-520
6	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	17-18	16,5

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030	Mục tiêu năm 2026
7	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu	%	15-16	10
8	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu	%	13,2-14,8	12
9	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hoá	%	10	7-8
10	Số lượt khách quốc tế do các cơ sở lưu trú phục vụ	Triệu lượt	13,2-14,8	7,2
11	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Nghìn tỷ đồng	1.050	129,4
	<i>Tỷ lệ tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội/GRDP bình quân/năm</i>	%	60-65	54,3
12	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2030	%	35	14
13	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo/tổng số doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2030	%	≥40	>40
14	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%	11-12	11-12
15	Số doanh nghiệp đang hoạt động đến năm 2030	Nghìn DN	35	22
16	Tỉ lệ đô thị hóa đến năm 2030	%	70	59,69
II	VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI			
17	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	75,5	74,8
18	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động có việc làm trên địa bàn tỉnh	%	<20	22
19	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đến năm 2030	%	80	82
20	Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%	40	30
21	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030	%	50	40
22	Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều) bình quân/năm	Điểm %/năm	1-1,5	0,15
23	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	%	100	100
24	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân	%	Đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân	96,5
25	Chỉ số phát triển con người (HDI)		0,8	0,75
III	VỀ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030	Mục tiêu năm 2026
26	Tỉ lệ KCN, KCX có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100
27	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%	65-70	65
28	Tỉ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	100	98
29	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng, hiệu quả đến năm 2030	%	70-75	50-55



